

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC
LỚP MẪU GIÁO GHEP 3, 4 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		CD thực hiện
			Riêng	Chung	
I. Giáo dục phát triển thể chất					
1	3	- Trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7kg - 21,2 kg; + Trẻ gái: 12,3kg – 21,5kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 cm - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 cm – 111,3cm		1->9
2	4		- Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1kg - 24,2kg + Trẻ gái: 13,7kg – 24,9kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7cm – 119,2cm; + Trẻ gái: 99,9cm – 118,9cm		
1. Phát triển vận động					
a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp					
3	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tay: + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Co duỗi chân.	* Trẻ 3, 4T: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. * Trẻ 3,4 T: - Chân: Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.	
4	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Tay: + Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu)	-Lưng,bụng,lườn: + Cúi về phía trước.	

			- Chân: + Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay rang ngang, chân bước sang phải sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.	1 ->9
b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động					
5	3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Trẻ đi kiễng gót liên tục 3m. + Trẻ bật xa 20-25cm	* Đi và chạy: - Đi trên ván kê dốc - Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp * Bật - nhảy - Bật tại chỗ. - Bật nhảy từ trên cao xuống 20 – 25 cm - Bật xa 20 - 25 cm - Bật về phía trước. - Nhảy lò cò theo cô - Bật qua vật cản 5 – 10 cm	* Trẻ 3, 4 tuổi - Đi và chạy: - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn * Trẻ 3, 4, tuổi - Đi khụy gối đi lùi - Đi trên ghế thể dục - Đi nối bàn chân tiến lùi - Bật - nhảy - Nhảy từ độ cao xuống 40 cm * Trẻ 4 tuổi - Đi và chạy: - Đi trên ghế thể dục	1,2,3,4,5,6,7,8,9
6	4	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Trẻ đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. + Trẻ bật xa 35-40cm	* Đi và chạy: - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi bằng gót chân * Bật - nhảy - Bật liên tục về phía trước - Bật nhảy từ trên cao xuống 30 - 35 cm - Bật xa 35 – 40cm - Bật tách khớp chân qua 5 ô		

			- Nhảy lò cò 4m - Bật qua vật cản 10 – 15 cm		
7	3	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc - Chạy 15m theo hướng thẳng - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	* Trẻ 4 T - Đi thay đổi tốc độ hướng đích dắc theo hiệu lệnh * Trẻ 3,4 Tuổi - Chạy thay đổi tốc độ hướng theo vật chuẩn	2,4,5,7
8	4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Trẻ đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)...	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60 – 80m - Đi thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh		
9	3	- Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: <i>Tung, ném, chuyển, đập bắt bóng</i> + Trẻ biết tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). + Trẻ biết tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	* Tung, ném, bắt - Chuyên bắt bóng hai bên theo hàng ngang. - Ném trúng đích thẳng đứng - Ném trúng đích nằm ngang xa 1,5m - Ném trúng đích bằng 2 tay	* Trẻ 3, 4 T - Tung bắt bóng với người đối diện * Trẻ 3,4T - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích bằng 2 tay	1,2,3,4,5,6,8,9
10	4	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: <i>Tung, ném, chuyển, đập bắt bóng</i> + Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện + Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Trẻ biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	* Tung, ném, bắt - Ném trúng đích thẳng đứng 1,5m x 1,2m - Chuyên bắt bóng qua đầu qua chân. - Ném trúng đích nằm ngang xa 2m - Ném trúng đích bằng 2 tay		
11	3	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	* Bò, trườn, trèo - Bò theo hướng thẳng.	* Trẻ 3, 4 tuổi - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30	1,2,3,4,5,6,7,9

		tổng hợp: Bò, trườn, trèo. + Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). + Trẻ biết bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Bước lên, xuống bậc cao 30cm. - Bò theo đường đích dắc qua 3 điểm - Bò chui qua cổng	cm. * Trẻ 3, 4 tuổi - Bò qua các chướng ngại vật - Trườn theo hướng thẳng - Bò chui qua ống dài 1,2-30 cm	
12	4	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò, trườn, trèo. + Ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	* Bò, trườn, trèo - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4m - Trèo lên xuống 5 gióng thang - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m		
c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay mắt					
13	3,4	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn, cuộn, ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập đan ngón tay vào nhau.		* Trẻ 3, 4T - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	1,9
14	3,4	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	* Trẻ 3 T - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Đan, tết.	* Trẻ 3, 4T - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Xây dựng lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, kéo khóa, buộc dây giày, Luồn	1,4,5,7, 8

				day, xâu dây.	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
a) Biết một số món ăn, sản phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe					
15	3,4	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...) + Trẻ biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, củ, quả		- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc gần gũi (trứng rán, thịt xào, canh rau), món ăn đặc trưng của địa phương (xôi nếp, mèn mèm...)	2,6
16	3, 4	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
17	3,4	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,6
b) Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.					
		- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:		* Trẻ 3, 4T - Đi vệ sinh đúng nơi quy	

18	3, 4	+ Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. + Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. + Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.		định. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Tập đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng,	2,3,5
c) Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe					
19	3, 4	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường		* Trẻ 3,4 T - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	2,6,8
20	3, 4	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Trẻ biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Trẻ biết ra nắng đội mũ: Đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi. + Trẻ biết đi vệ sinh		* Trẻ 3, 4T - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. không nhổ bậy ra lớp. - Ra nắng đội mũ:	3,4,8

		đúng nơi quy định. + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.		Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết vệ sinh răng miệng	
d) Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh					
21	3,4	- Trẻ biết nhận ra một số vật dụng nguy hiểm như (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...). Biết các vật sắc nhọn không lên nghịch		* Trẻ 3, 4 T - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3
22	3, 4	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng nước, hồ vôi...) là nơi nguy hiểm, và nói được mối nguy hiểm khi đến gần		* Trẻ 3, 4T - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	8
23	3, 4	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm: + Trẻ không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt + Trẻ không tự lấy thuốc uống + Trẻ không leo trèo bàn ghế, lan can + Trẻ không nghịch các vật sắc nhọn + Trẻ không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp + Trẻ biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê + Trẻ biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà		* Trẻ 3, 4T + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sắc... + Không tự ý uống thuốc. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. + Không ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	2,5

		phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.			
24	4	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn, người rơi xuống nước, ngã chảy máu.		* Trẻ 4 T - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp gọi người giúp đỡ : cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu..	2, 3
25	3, 4	- Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Trẻ biết khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...		* Trẻ 3, 4T - Biết khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Biết không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp... + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	1, 3, 7, 9

II. Giáo dục phát triển nhận thức					
1) Khám phá khoa học					
a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng					
26	3	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả quen thuộc	* Trẻ 3, 4T - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng	5,6, 8
27	4	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.	
28	3, 4	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		* Trẻ 3, 4T - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	2,5,6
29	3, 4	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét thảo	.	* Trẻ 3, 4T - Làm các thí nghiệm và giải thích các thí nghiệm. - Một số đặc	6, 8

		luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển		điểm, tính chất của nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	
30	3, 4	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.		* Trẻ 3, 4T - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	5,6,8
31	3,4	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		* Trẻ 3, 4 T - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo	1,3,5,6, 7

				với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, theo 2 - 3 dấu hiệu	
b) Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản					
32	3	- Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng		
33	4	- Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”		* Trẻ 4T - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Giải thích các thí nghiệm	5,6 8
34	4	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn		4,7
c) Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau					
		- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau,		* Trẻ 3, 4 T - Đặc điểm nổi bật và ích lợi	

35	3, 4	giống nhau của các đối tượng được quan sát.		của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự giống nhau và khác nhau một số con vật, cây, hoa, quả.	1, 5,6,7
36	3, 4	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		* Trẻ 3, 4 T - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	9
2) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
a) Nhận biết số đếm, số lượng					
37	3	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		1,3,4,5, 6,7,8,9
38	4	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		
39	3	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- 1 và nhiều.		1,3,4,5, 6,7,9
40	4	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		
41	3	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói được kết quả.		1-> 9

		nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
42	4	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả.		1-> 9
43	3	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		* Trẻ 3, 4 T - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4,5,6,7, 8,9
44	4	- Trẻ biết gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 1 đếm và nói kết quả		Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	3,4,5,6, 7,8,9
45	3	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm		* Trẻ 3, 4 T - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	2,4,5,6, 7,8,9
46	4	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn			
47	4	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		1,4,5,6, 7,9
48	4	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		* Trẻ 4 T - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	3,7
b) Biết sắp xếp theo quy tắc					
49	3	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại	- So sánh 2 đối tượng về kích thước - Xếp xen kẽ.	* Trẻ 3, 4 tuổi - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	5,8
50	4	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng			

		và sao chép lại			
c) So sánh hai đối tượng					
51	3	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ to hơn, nhỏ hơn, dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.		4,5,6,8
52	4	- Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo		
d) Nhận biết hình dạng					
53	3	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	* Trẻ 4 T - Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3,4,9
54	4	- Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) + Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.		
đ) Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian					
55	3	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân		2,3
56	4	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác		

		với người khác.	(phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).		
57	4	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.		8
3) Khám phá xã hội					
a) Trẻ nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng					
58	3,4	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện		- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
59	3,4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		* Trẻ 3, 4 T - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu của gia đình.	3
60	3,4	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.		* Trẻ 3, 4T - Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.	3
61	3,4	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		* Trẻ 3, 4 T - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.	1
62	4	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở		1

		viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	trường.		
63	4	- Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của trường, lớp, các bạn khi được hỏi, trò chuyện	- Biết nói tên và một vài đặc điểm của trường, lớp, các bạn khi được hỏi, trò chuyện		9
b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề phổ biến ở địa phương.					
64	3,4	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, ngô, khoai, sản nghề truyền thống của địa phương .		* Trẻ 3, 4T Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương	4
c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh					
65	3	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Biết kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.		1,3,4, 5,6,7
66	4	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	* Trẻ 4 T - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.	
67	3,4	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.		* Trẻ 3, 4T - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, của tỉnh Điện Biên (Đài tưởng niệm, tượng	9

				đài, đôi A1, hàm Đờ Cát, nơi chỉ huy của đại tướng Võ Nguyên Giáp...)	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ					
1) Nghe hiểu lời nói					
68	3	- Trẻ biết thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.		
69	4	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể vd “Các bạn có tên bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái		* Trẻ 4 T - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	3,9
70	3	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	* Trẻ 3, 4 T - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	2,3,4, 5, 6, 7
71	4	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		
72	3,4	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	* Trẻ 3, 4T - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	1, 3,8
2) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày					
73	3,4	- Trẻ dân tộc địa phương có khả năng sử dụng đúng từ ngữ và câu tiếng việt trong giao tiếp hàng ngày		* Trẻ 3, 4 Tuổi - Trẻ sử dụng từ câu tiếng việt trong giao tiếp hàng ngày	1->9
74	3,4	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... phù hợp với ngữ cảnh		* Trẻ 3, 4, Tuổi - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác	3,8

				nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.	
75	3,4	- Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....		* Trẻ 3, 4 Tuổi - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	5
76	3	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...		* Trẻ 3, 4 Tuổi. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1->9
77	4	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự về câu truyện			
78	3,4	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		* Trẻ 3, 4 Tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
79	3	- Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.		1->9
80	4	- Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		
81	3,4	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện		* Trẻ 3, 4 T Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	7
82	3	- Trẻ biết Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	* Trẻ 3, 4 T - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1, 3
		- Trẻ biết Sử dụng	- Sử dụng các từ		

83	4	các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	biểu cảm, hình tượng.		
84	3	- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.		* Trẻ 3,4, Tuổi. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2,8
85	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở			
c) Làm quen với việc đọc - viết					
86	3	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.		* Trẻ 3, 4T - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	4,9
87	4	- Trẻ biết chọn sách để xem			
88	3	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		* Trẻ 3, 4 T - Gọi tên và mô tả nhân vật trong tranh.	
89	4	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.			
90	4	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vệt).		- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - “Đọc” truyện	

				qua các tranh vẽ.	
91	3,4	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...		- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	7
92	3	- Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc	-Tiếp xúc với chữ, sách truyện.		1->9
93	4	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Nhận dạng các chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.		
IV. Giáo dục phát triển kỹ năng, tình cảm xã hội					
1) Thể hiện ý thức về bản thân					
94	3,4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân		* Trẻ 3,4 tuổi - Tên, tuổi, giới tính của bản thân * Trẻ 4 tuổi - Sở thích, khả năng của bản thân	2,3
95	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và những việc bé không thể làm được	- Họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.		
96	3, 4	Trẻ nói được tên bố, mẹ			3
2) Thể hiện sự tự tin, tự lực.					
97	3,4	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động và trả lời câu hỏi khi có sự khuyến khích của người lớn	1->9
98		- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý		4,9

	4	thích.	thích. Tự thu dọn đồ chơi khi chơi xong.		
99	3, 4	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi..).		* Trẻ 3, 4, Tuổi. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	4
3) Nhận biết và thể hiện cảm xúc với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.					
100	3,4	- Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt của chỉ giọng nói của người khác		* Trẻ 3, 4 Tuổi. - Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác, ứng xử với người khác khi người khác có lỗi. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc - Trẻ cảm thấy hứng thú trong các giờ học	5,7
101	3,4	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. + Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	- Chơi hoà thuận với bạn.	* Trẻ 3,4 T - Kỹ năng căng thẳng, giải tỏa căng thẳng một mình của bản thân, biết thể hiện cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. - Kiểm soát cảm xúc, thể hiện cảm xúc của trẻ phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của mình	2,6
102	3,4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất	* Trẻ 3, 4 Tuổi. - Kính yêu Bác	9

			nước, nhận ra lăng Bác Hồ	Hồ. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Tình cảm của Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi	
103	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	* Trẻ 3,4 T - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	9
104	4	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
105	3,4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.		* Trẻ 3,4 T - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	5,8,9
4) Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội					
106	3,4	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, cô giáo muốn đi chơi phải xin phép.		* Trẻ 3,4Tuổi. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, khi sang đường phải có người lớn dắt).	2,3,7
107	3,4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		* Trẻ 3,4Tuổi. - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1,3,6

				- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	
108	3,4	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		* Trẻ 3,4 Tuổi. - Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời người khác.	5
109	3,4	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn, biết chờ đến lượt.		* Trẻ 3,4T - Chơi hòa thuận, quan tâm chia sẻ với bạn. - Chờ đến lượt, hợp tác giúp đỡ. Thực hiện các quy định nơi công cộng, biết xếp hàng chờ đến lượt.	5
110	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi, thoả thuận - Chơi hoà thuận với bạn	* Trẻ 4 T - Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - <i>Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn</i>	3,4,7
111	4	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
5) Quan tâm đến môi trường					
112	3,4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.		* Trẻ 3,4T - Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
113	3,4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		* Trẻ 3, 4 T - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy	5,8

				định. - Giữ gìn, vệ sinh môi trường	
114	4	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành hái hoa...)		* Trẻ 4 T - Nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường, lớp (không xả rác bừa bãi, bẻ cành hái hoa...)	1,6
115	4	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.		* Trẻ 4 T - Tiết kiệm điện, nước.. - Phòng chống đuối nước, trẻ ăn hết suất, không làm rơi vãi thức ăn.	8
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ					
1) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.					
116	3,4	- Trẻ vui sướng, biết vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng		* Trẻ 3, 4 T - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	1,3 7,9
117	3,4	- Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		* Trẻ 3, 4 T - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	2,4,6,7, 8, 9
		- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử		* Trẻ 3, 4, Tuổi. - Sử dụng các	

118	3,4	dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	2,3,5, 9
2) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình					
119	3	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.		1->9
120	4	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...		* Trẻ 4 Tuổi. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
121	3	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.		3,5
122	4	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo tiết tấu, múa).		* Trẻ 4T - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
123	3,4	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.		* Trẻ 3, 4T - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản	3,7,8,9

				<i>phẩm. (Steam, EDP)</i>	
124	3,4	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		* Trẻ 3, 4, Tuổi. - Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1,2,3,4, 5,6,9
125	3,4	- Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		*Trẻ 3, 4T - Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Xé: Xé dải, xé vụn, xé mảng, xé theo đường bao. - Dán: Kỹ năng lấy/phết hồ, đặt đúng vị trí và miết. - Cắt: Cắt theo đường thẳng, đường cong.	2,6,7
126	3,4	- Trẻ Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối		* Trẻ 3, 4, Tuổi. - Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. + Nặn: Xoay tròn, lăn dọc, ấn bẹt, làm lõm, uốn cong, véo, vuốt, ấn bằng bàn tay.	1,4,5
127	3,4	- Trẻ Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài		* Trẻ 3, 4T Phối hợp các kỹ năng xếp hình để	2,6,7

		hoà, bố cục cân đối.		tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
128	3,4	- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		* Trẻ 3, 4, Tuổi. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1-> 9
3) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)					
129	3,4	- Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		* Trẻ 3, 4 T - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	3,5
130	4	Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát		Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	1->9
131	3	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích.	* Trẻ 4T - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	4
132	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích			
133	3,4	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		* Trẻ 3, 4 Tuổi. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	2,3,4,7,8,9

NGƯỜI LẬP

**PHÊ DUYỆT CỦA BGH
HIỆU TRƯỞNG**

Lò Thị Ngọc Phượng

Nguyễn Thị Nguyệt

